

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2300/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Trần Thanh Ch; sinh năm: 1980.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc L; sinh năm: 1984.

Cùng địa chỉ: Khu phố 4, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, ông Ch và bà L cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung”. Quá trình vận động hòa giải, ông Ch và bà L thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 11/11/2020. Ông Ch và bà L cùng cư trú tại phường B, thành phố Biên Hòa, đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự; do đó, đơn yêu cầu của ông Ch và bà L được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Trần Thanh Ch và bà Nguyễn Thị Ngọc L chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B,

tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25/2012, quyền số 01/2012 ngày 17/02/2012. Ông Ch và bà L xác định có 01 (một) con chung là cháu Trần Minh Quân, sinh ngày 17/02/2013. Ông Ch và bà L thỏa thuận giao con chung cho bà L nuôi dưỡng, tạm thời ông Ch không cấp dưỡng nuôi con. Ông Ch và bà L xác định không có tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình chung sống, ông Ch và bà L thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông Ch và bà L xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy ông Ch và bà L thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con, phù hợp nguyện vọng của cháu Quân; về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết; do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu ông Ch và bà L.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Trần Thanh Ch và bà Nguyễn Thị Ngọc L.

- Về con chung: Ông Ch và bà L xác định có 01 (một) con chung là cháu Trần Minh Quân, sinh ngày 17/02/2013. Ông Ch, bà L thỏa thuận giao cháu Trần Minh Quân cho bà L nuôi dưỡng, tạm thời ông Ch không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Ch, bà L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Ch và bà L xác định không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Thanh Ch và bà Nguyễn Thị Ngọc L mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã

nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0007236 ngày 02/11/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, ông Ch và bà L đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và khanh bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường B, thành phố B, tỉnh Đ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Huệ